

Số 26/2014/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 16 tháng 7 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy
và xe ô tô trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ XI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 4312/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Trên cơ sở Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định về mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy và xe ô tô trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe đạp, xe máy và xe ô tô trên địa bàn tỉnh;

b) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu trông giữ phương tiện là xe đạp (bao gồm cả xe đạp điện), xe máy và xe ô tô;

Tổ chức, cá nhân có phương tiện khi đến làm việc tại cơ quan, đơn vị cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh không phải nộp phí trông giữ xe.

Điều 2. Mức thu phí

1. Các điểm đỗ, bãi trông giữ do Nhà nước đầu tư:

a) Phí trông giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện công cộng do nhà nước đầu tư (trừ các phương tiện trông giữ tại bệnh viện, trường học):

Đơn vị tính: 1000 đồng/lượt

| TT | Loại phương tiện | Mức trông giữ ban ngày | | | Mức trông giữ ban đêm | | | Mức trông giữ theo tháng | | |
|-----|--|------------------------|-----------------------------|---------------|-----------------------|-----------------------------|---------------|--------------------------|-----------------------------|---------------|
| | | Vinh, thị xã | Huyện đồng bằng và núi thấp | Huyện núi cao | Vinh, thị xã | Huyện đồng bằng và núi thấp | Huyện núi cao | Vinh, thị xã | Huyện đồng bằng và núi thấp | Huyện núi cao |
| 1 | Xe đạp, xe thô sơ khác | 2 | 2 | 1 | 4 | 4 | 2 | 40 | 30 | 20 |
| 2 | Xe máy, xe mô tô 2 bánh | 4 | 4 | 2 | 8 | 6 | 4 | 60 | 48 | 40 |
| 3 | Xe ô tô | | | | | | | | | |
| 3.1 | Ô tô con 7 chỗ ngồi trở xuống | 14 | 12 | 10 | 28 | 20 | 16 | 240 | 200 | 160 |
| 3.2 | Ô tô khách dưới 16 chỗ ngồi, xe tải và các loại xe chuyên dùng có trọng tải dưới 3, 5 tấn | 16 | 14 | 12 | 32 | 28 | 24 | 280 | 240 | 200 |
| 3.3 | Xe khách từ 16 chỗ ngồi trở lên, xe tải và các loại xe chuyên dùng có trọng tải từ 3, 5 tấn đến 10 tấn | 18 | 16 | 14 | 36 | 32 | 28 | 320 | 280 | 240 |
| 3.4 | Xe tải trên 10 tấn, xe sơ mi rơ moóc và các loại xe ô tô khác | 20 | 18 | 16 | 40 | 36 | 32 | 360 | 320 | 280 |

b) Phí trông giữ xe tại các bệnh viện, trường học:

Đơn vị tính: 1000 đồng/lượt

| TT | Loại phương tiện | Mức trông giữ ban ngày | | | Mức trông giữ ban đêm | | | Mức trông giữ theo tháng | | |
|----|-------------------------|------------------------|-----------------------------|---------------|-----------------------|-----------------------------|---------------|--------------------------|-----------------------------|---------------|
| | | Vinh, thị xã | Huyện đồng bằng và núi thấp | Huyện núi cao | Vinh, thị xã | Huyện đồng bằng và núi thấp | Huyện núi cao | Vinh, thị xã | Huyện đồng bằng và núi thấp | Huyện núi cao |
| 1 | Xe đạp, xe thô sơ khác | 1 | 1 | 0,5 | 2 | 2 | 1 | 20 | 15 | 10 |
| 2 | Xe máy, xe mô tô 2 bánh | 2 | 2 | 1 | 4 | 3 | 2 | 30 | 24 | 20 |

| | | | | | | | | | | |
|-----|--|---|---|---|----|----|----|-----|-----|-----|
| 3 | Xe ô tô | | | | | | | | | |
| 3.1 | Xe ô tô con 7 chỗ ngồi trở xuống | 7 | 6 | 5 | 14 | 10 | 8 | 120 | 100 | 80 |
| 3.2 | Xe ô tô trên 7 chỗ ngồi, xe tải các loại | 8 | 7 | 6 | 16 | 14 | 12 | 160 | 140 | 120 |

c) Phí trông giữ xe đối với trường hợp trông giữ liên tục quá 1 ngày đêm đến dưới 20 ngày đêm (tối đa không quá mức thu theo tháng):

Đơn vị tính: 1000 đồng/ngày đêm

| TT | Loại phương tiện | Mức thu | | |
|-----|---|--------------|-----------------------------|---------------|
| | | Vinh, thị xã | Huyện đồng bằng và núi thấp | Huyện núi cao |
| 1 | Xe đạp | 5 | 4 | 3 |
| 2 | Xe thô sơ khác | 8 | 7 | 6 |
| 2 | Xe máy, xe mô tô 2 bánh | 8 | 7 | 6 |
| 3 | Xe ô tô | | | |
| 3.1 | Xe ô tô con 7 chỗ ngồi trở xuống | 35 | 30 | 25 |
| 3.2 | Xe ô tô khách dưới 16 chỗ ngồi, xe tải và các loại xe chuyên dùng có trọng tải dưới 3, 5 tấn | 40 | 35 | 30 |
| 3.3 | Xe ô tô khách từ 16 chỗ ngồi trở lên, xe tải và các loại xe chuyên dùng có trọng tải từ 3, 5 tấn đến 10 tấn | 45 | 40 | 35 |
| 3.4 | Xe ô tô tải trên 10 tấn, xe sơ mi rơ moóc và các loại xe ô tô khác | 50 | 45 | 40 |

Đối với các Bệnh viện, trường học áp dụng mức thu bằng 50% mức thu theo quy định trên.

d) Đối với các điểm, bãi trông giữ xe ô tô có điều kiện trông giữ xe ô tô có chất lượng cao, yêu cầu về điều kiện phục vụ cao hơn những điều kiện trông giữ thông thường (có nhà kiên cố, có camera giám sát) và các điểm, bãi trông giữ xe tại các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa mà khách tham quan thường có nhu cầu gửi xe nhiều giờ: Mức thu phí tối đa không quá 2 lần đối với từng loại phương tiện tương ứng trong cùng thời gian.

2. Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ xe không do Nhà nước đầu tư nhưng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư: Mức thu tối đa không quá 1,5 lần so với mức thu quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XVI, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2014 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày được thông qua; Bãi bỏ Nghị quyết số 266/2009/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành đối tượng, mức thu, chế độ thu nộp phí trông giữ xe đạp, xe máy và ô tô trên địa bàn tỉnh Nghệ An./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- VP Quốc hội; VP Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản)
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Châu

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'HT' or similar initials, followed by a horizontal line.